TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 313/2018/DS-ST
Ngày: 22/6/2018
V/v Tranh chấp Hợp đồng dân sự - cấp thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Phương Châm

Bà Võ Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2052/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự - cấp thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2311/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2802/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; trụ sở tại: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông B; trú tại: Đường Q, Phường R, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 39/2017/UQ-TTT ngày 04/8/2017) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông C sinh năm 1975. Trú tại: đường X, phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A do ông B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/5/2013, ông C có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông C Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 73.500.000 đồng, nhưng chỉ thanh toán được 55.239.000 đồng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/02/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/10/2016, ông C còn nợ Ngân hàng: Tiền nợ gốc là 36.919.007 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 25.162.192 đồng; tổng cộng là 62.081.199 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C trả số tiền nợ gốc là 36.919.007 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/02/2015 cho đến ngày trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Ngày 21/6/2018 Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bản khai yêu cầu Tòa án buộc ông C trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/6/2018 là 85.854.311 đồng, trong đó tiền nợ gốc 36.919.007 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 48.935.304 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 22/6/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng và bản các điều khoản sử dụng thẻ của Ngân hàng A cho đến khi trả xong nợ.

Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Phiên tòa tiến hành với sự có mặt đầy đủ của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa như quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và nội quy phiên tòa tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng vi phạm điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng của ông C thể hiện ông C có ký hợp đồng tín dụng như Ngân hàng A trình bày là đúng. Do đó, Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông C trả số tiền gốc là 36.919.007 đồng và tiền lãi quá hạn cho đến khi trả dứt nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP A có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự - cấp thẻ tín dụng với ông C cư trú tại Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn - ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn như quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đòi ông C trả số tiền nợ gốc là 36.919.007 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A tại Tòa; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 29/5/2013 Ngân hàng A và ông C có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và ngân hàng đã cấp cho ông C 01 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng; việc thỏa thuận ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng A và ông C phù hợp với quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A cho biết sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã không thanh toán tiền đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng; nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C; số tiền gốc ông C còn nợ Ngân hàng là 36.919.007 đồng. Ông C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi ông C trả số tiền nợ gốc 36.919.007 đồng là phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông C trả tiền lãi quá hạn là 48.935.304 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa xử; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giải trình do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/02/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn với lãi suất 3,225%/tháng (lãi suất 2,15%/tháng x 150%) . Tính đến ngày 22/6/2018, nợ lãi quá hạn của ông C là 48.935.304 đồng. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng, Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông C trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/6/2018 là 48.935.304 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa xử là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 85.854.311 đồng (36.919.007 đồng + 48.935.304 đồng) phải trả cho Ngân hàng TMCP A là 4.292.720 đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.552.030 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0019312 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 và điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A;

Buộc ông C trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ tính đến ngày 22/6/2018 là 85.854.311 (tám mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm mười một) đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc là 36.919.007 (ba mươi sáu triệu chín trăm mười chín ngàn không trăm lẻ bảy) đồng, tiền nợ lãi quá hạn là

48.935.304 (bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm lẻ bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng , các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.292.720 (bốn triệu hai trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.552.030 (một triệu năm trăm năm mươi hai ngàn không trăm ba mươi) đồng, theo biên lai số AA/2016/ 0019312 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP A và Ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thái Hằng